

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả đánh giá của ban giám khảo trong
kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia kỳ III năm 2019**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 140/2018/NĐ – CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương Binh và Xã hội quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

Căn cứ Quyết định 4811/QĐ-BCT ngày 29 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ bảng tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức và bài kiểm tra thực hành của Ban giám khảo nghề Công nghệ Ô tô bậc 1 và bậc 3, nghề Điện công nghiệp bậc 3, nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) bậc 3, nghề Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh bậc 3, nghề Điện tử công nghiệp bậc 3;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá của Ban giám khảo trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia kỳ nghề Công nghệ Ô tô bậc 1 và bậc 3, nghề Điện công nghiệp bậc 3, nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) bậc 3, nghề Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh bậc 3, nghề Điện tử công nghiệp bậc 3 được tổ chức tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (danh sách kèm theo).



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (bà) Giám đốc Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Tài chính kế toán, các đơn vị liên quan và Thí sinh có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BLĐTĐ&XH;
- TCGDNN, KNN;
- Như điều 3;
- Lưu VT, HTDN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Bùi Thị Ngân





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2019

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
Từ ngày 16 tháng 03 đến ngày 18 tháng 03 năm 2019
Nghề: Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh bậc 3**

(Kèm theo Quyết định số 231/QĐ - ĐHCN ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Văn Bao	18/06/1981		x		125019811	17/11/2017	CA Bắc Ninh
2	Nguyễn Trí Đức	06/10/1984		x		113199234	22/06/2017	CA Hòa Bình
3	Nguyễn Hồng Hạnh	26/06/1983		x		135124924	21/04/2010	CA Vĩnh Phúc

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
4	Đặng Đăng Khôi	30/08/1988		x		221166633	31/10/2018	CA Phú Yên
5	Vũ Huy Khuê	07/01/1978		x		034078000180	14/07/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
6	Nguyễn Đức Nam	28/04/1978		x		013250302	17/12/2009	CA Hà Nội
7	Nguyễn Tiên Nghĩa	01/03/1988		x		135421700	02/04/2006	CA Vĩnh Phúc
8	Phạm Thành Nhơn	22/02/1987		x		164311459	10/06/2010	CA Ninh Bình

HỒNG
 I HỌC
 NG NGH
 HÀ NỘ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
9	Trần Quyền Quý	06/07/1982		x		135762957	04/06/2012	CA Vĩnh Phúc
10	Nguyễn Văn Quỳ	20/11/1986		x		026086005748	06/03/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
11	Cao Thị Quyên	24/04/1988			x	026188003828	25/02/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
12	Triệu Đình Sơn	11/04/1981		x		008081000063	18/02/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
13	Lê Hải Tài	24/09/1976		x		026076000994	25/01/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
14	Nguyễn Duy Thảo	12/01/1978		x		011958312	01/08/2012	CA Hà Nội
15	Phạm Đức Toàn	17/10/1982		x		026082001292	22/10/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
16	Võ Hồng Vi	10/10/1985		x		211864260	14/01/2014	CA Bình Định
17	Vũ Văn Võ	04/02/1977		x		011793859	18/9/2007	CA Hà Nội

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2019

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
Từ ngày 16 tháng 03 đến ngày 18 tháng 03 năm 2019
Nghề: Công nghệ Ô tô bậc 3

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ - ĐHCN ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Tiến Dũng	07/12/1991		x		026091000520	15/05/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
2	Phan Trường Giang	08/03/1980		x		001080016009	08/12/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
3	Nguyễn Quốc Thường	28/08/1969		x		025169000108	26/05/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
4	Hoàng Xuân Thủy	21/07/1981		x		040081000661	27/02/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
5	Khổng Thành Trung	31/08/1982		x		135605782	20/10/2009	CA Vĩnh Phúc





Hà Nội, ngày **19** tháng 03 năm 2019

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỶ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
Từ ngày 16 tháng 03 đến ngày 18 tháng 03 năm 2019
Nghề: Công nghệ Ô tô bậc 1

(Kèm theo Quyết định số **231** /QĐ - ĐHCN ngày **19** tháng **3** năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Xuân Bình	01/05/1971		x		001071011984	30/12/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
2	Hoàng Xuân Đăng	25/04/1995		x		013239600	12/12/2009	CA Hà Nội
3	Lê Văn Độ	09/06/1974		x		013229945	30/10/2009	CA Hà Nội

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
4	Mai Minh Đông	03/10/1978		x		31A983005397	01/10/2011	Quân chủng Phòng Không - Không Quân
5	Phạm Ngọc Dũng	10/08/1961		x		001061011380	06/04/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
6	Hoàng Ánh Dương	07/10/1971		x		001071019680	03/01/2019	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
7	Đinh Văn Dương	04/11/1985		x		164229434	16/04/2015	CA Ninh Bình
8	Trang Công Hải	10/02/1980		x		012046439	12/10/2011	CA Hà Nội

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
9	Vũ Thiện Hiến	03/12/1973		x		036073003636	03/05/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
10	Trần Mạnh Hoạt	07/12/1975		x		001075016939	08/12/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
11	Dương Tuấn Hưng	03/09/1972		x		001072004156	19/05/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
12	Trần Ngọc Hưng	17/04/1966		x		012191903	14/08/2013	CA Hà Nội
13	Trương Hồng Kha	05/1967		x		001067001015	17/07/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
14	Tổng Văn Khá	01/01/1974		x		036074000010	27/12/2012	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
15	Phạm Đình Quang	11/01/1980		x		001080000098	06/11/2012	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
16	Cáp Tuấn Sơn	02/09/1970		x		145547320	26/03/2009	CA Hưng Yên
17	Bùi Văn Sơn	10/08/1972		x		013455574	23/08/2011	CA Hà Nội
18	Trần Xuân Sơn	14/12/1972		x		001072001099	29/05/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
19	Dương Minh Tâm	13/11/1980		x		001080016017	08/12/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
20	Đàm Văn Thắng	23/08/1969		x		013431343	20/05/2011	CA Hà Nội
21	Nguyễn Đình Thọ	25/05/1974		x		001074010215	20/06/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
22	Vũ Thanh Tuấn	04/12/1981		x		001081001437	10/04/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
23	Phạm Ngọc Tuấn	16/12/1987		x		033087003856	05/12/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

NG
OC
HIỆ
ỘI

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
24	Đoàn Quốc Vương	28/02/1974		x		001074017059	08/12/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư



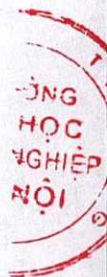
Hà Nội, ngày **19** tháng 03 năm 2019

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
Từ ngày 16 tháng 03 đến ngày 18 tháng 03 năm 2019
Nghề: Điện tử công nghiệp bậc 3

(Kèm theo Quyết định số **231** /QĐ - ĐHCN ngày **19** tháng **3** năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Trung Đức	25/11/1987		x		026087005102	27/08/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
2	Tạ Quang Duy	26/07/1987		x		026087005660	06/03/2019	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
3	Phạm Thị Hồng Gấm	01/09/1990			x	162987307	25/05/2006	CA Nam Định

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
4	Dương Thanh Huệ	21/10/1983			x	026183002372	26/07/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
5	Nguyễn Minh Khang	05/06/1983			x	135597083	13/04/2009	CA Vĩnh Phúc
6	Mạc Thị Hồng Lý	08/10/1986			x	030186000633	13/11/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
7	Đỗ Văn Mạnh	15/08/1984		x		026084000933	19/08/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
8	Phí Hữu Nghĩa	07/08/1963		x		135082002	04/08/2014	CA Vĩnh Phúc



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
9	Nguyễn Thị Phụng	12/11/1985			x	026185005494	15/02/2019	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
10	Trương Quang Tươi	12/10/1979		x		026079001071	21/12/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2019

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỶ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
Từ ngày 16 tháng 03 đến ngày 18 tháng 03 năm 2019
Nghề: Điện công nghiệp bậc 3

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ - ĐHCN ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Văn Chính	13/03/1975		x		036075000045	18/7/2013	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
2	Nguyễn Minh Cường	09/05/1982		x		038082002772	09/08/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
3	Trần Minh Đường	11/10/1971		x		011721652	12/11/2008	CA Hà Nội
4	Nguyễn Đỗ Quang Duy	10/10/1979		x		013534515	07/04/2012	CA Hà Nội



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	Trần Thị Hương Giang	11/12/1980			x	008180000026	18/08/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
6	Phạm Hương Giang	06/05/1982			x	012049058	18/02/2012	CA Hà Nội
7	Trần Thị Hằng	18/08/1992			x	135508547	06/01/2008	CA Vĩnh Phúc
8	Hoàng Văn Hùng	19/10/1984		x		026084000313	06/03/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
9	Nguyễn Văn Hưng	10/11/1978		x		001078012199	21/10/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
10	Nguyễn Thị Hương	28/10/1987			x	025187000189	19/01/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

G
 ĐƠN
 HỌ
 NGHI
 NỘI

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
11	Chu Thị Phương Lan	12/11/1976			x	011919776	17/03/2012	CA Hà Nội
12	Nguyễn Việt Long	24/11/1978		x		022078000980	07/11/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
13	Hồ Thị Thu Minh	10/08/1983			x	040183001807	27/12/2018	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
14	Phan Thanh Nga	19/6/1979			x	135777796	15/5/2012	CA Vĩnh Phúc
15	Nguyễn Thanh Phong	02/03/1979		x		030079002371	05/10/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
16	Nguyễn Thị Thắm	15/05/1986			x	030186007614	04/06/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
17	Đỗ Thị Kim Thoa	29/12/1984			x	001184016637	09/08/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
18	Trần Anh Tuấn	10/04/1978		x		013449836	08/08/2011	CA Hà Nội
19	Nguyễn Ngọc Tuấn	22/05/1986		x		145236730	15/04/2009	CA Hưng Yên
20	Lê Thị Thanh Tâm	10/08/1984			x	026184001089	12/11/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **19** tháng 03 năm 2019

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỶ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
Từ ngày 16 tháng 03 đến ngày 18 tháng 03 năm 2019
Nghề: Công nghệ thông tin bậc 3

(Kèm theo Quyết định số **231** /QĐ - ĐHCN ngày **19** tháng **3** năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Hồ Sĩ Anh	16/03/1986		x		172195058	09/06/2009	CA Thanh Hóa
2	Lê Thị Châm	18/07/1991			x	173089839	14/10/2013	CA Thanh Hóa
3	Đỗ Mạnh Cường	06/02/1995		x		132287375	11/08/2018	CA Phú Thọ
4	Phạm Anh Đức	09/07/1984		x		164619056	03/10/2012	CA Ninh Bình

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	Đỗ Việt Dũng	21/02/1982		x		026082005075	14/05/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
6	Nguyễn Thị Hồng Hà	27/11/1988			x	001188005968	14/01/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
7	Đào Thị Thu Hằng	16/10/1972			x	013226506	31/08/2009	CA Hà Nội
8	Lại Văn Hiệp	24/03/1991		x		013152043	15/01/2009	CA Hà Nội
9	Nguyễn Thị Thu Hoàn	15/11/1985			x	030185002168	04/05/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
10	Nguyễn Thị Thúy Hồng	25/04/1977			x	011873091	21/03/2011	CA Hà Nội

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
11	Phạm Thị Quỳnh Hương	03/11/1981			x	036181005675	19/10/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
12	Triệu Thu Hương	19/12/1983			x	001183001038	07/10/2013	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
13	Nguyễn Thị Hường	25/03/1982			x	026182003639	05/07/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
14	Nguyễn Thị Loan	07/11/1987			x	001187007840	29/03/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
15	Bùi Thanh Loan	18/10/1985			x	022185000120	04/05/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
16	Mai Thị Lợi	17/02/1982			x	073047791	29/11/2013	CA Hà Giang

N
TR
41
3N
i N

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	01/01/1983			x	073552466	25/04/2016	CA Hà Giang
18	Hoàng Đức Mạnh	07/05/1983		x		135102824	12/04/2012	CA Vĩnh Phúc
19	Đỗ Thị Nhung	12/05/1985			x	038185016820	11/03/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
20	Lương Thu Nhung	14/4/1984			x	090980316	26/8/2010	CA Thái Nguyên
21	Phùng Thị Minh Phương	27/06/1991			x	135455566	04/06/2008	CA Vĩnh Phúc
22	Nguyễn Thị Tâm	10/08/1979			x	111324269	22/05/2010	CA Hà Nội

3
 ỨNG
 ĐOC
 HIỆP
 1
 9

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
23	Phạm Thị Tân	09/09/1971			x	073220900	27/06/2012	CA Hà Giang
24	Phạm Đức Thành	29/07/1974		x		135528944	20/09/2007	CA Vĩnh Phúc
25	Nguyễn Thị Hồng Thúy	05/07/1980			x	011898756	11/07/2011	CA Hà Nội
26	Nguyễn Thị Như Trang	17/10/1981			x	011181000002	26/02/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
27	Đặng Trần Trung	10/04/1962		x		010382621	22/08/2013	CA Hà Nội
28	Hoàng Tùng	14/05/1978		x		025078000376	15/01/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
29	Nguyễn Thị Vân	05/05/1985			x	017123314	28/11/2009	CA Hà Nội
30	Nguyễn Thị Thanh Xuân	19/05/1978			x	135130378	29/09/2009	CA Vĩnh Phúc